



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: +84.4 222 12 891 | Fax: +84.4 222 12 892 | Email: ifc@ifcvietnam.com.vn | Website: www.ifcvietnam.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÁI HÒA VIỆT NAM
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011



Thành viên hãng **AGN International** / Member Firm of **AGN International**

Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn An	Chủ tịch
Bà Ngô Thị Hạnh	Ủy viên
Bà Hà Thị Kim Thoa	Ủy viên
Bà Lương Đức Loan	Ủy viên
Ông Nguyễn Kim Tú	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 10/5/2011)
Ông Lê Quang Đạo	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 10/5/2011)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn An	Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Hạnh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn An

Tổng Giám đốc

Ngày 01 tháng 09 năm 2011



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.
Tel: +84.4 222 12 891 | Fax: +84.4 222 12 892 | Email: ifc@ifcvietnam.com.vn | Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số. 2470 /2011/BCSX-IFC

BÁO CÁO SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 được lập ngày 01 tháng 09 năm 2011 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) từ trang 04 đến trang 24 kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 2, Ban Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến

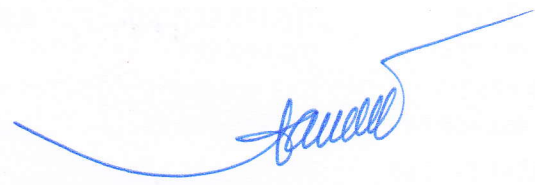
Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến

Trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến 30 tháng 06 năm 2011 phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Khúc Đình Dũng
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0748/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ (IFC)
Ngày 01 tháng 09 năm 2011



Trương Đức Hân
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0749/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

MẪU B 01 - DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		975.194.711.302	1.115.765.234.546
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.786.732.008	3.500.681.705
1. Tiền	111		1.786.732.008	3.500.681.705
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	19.000.000.000	29.000.000.000
1. Đầu tư tài chính ngắn hạn	121		19.000.000.000	29.000.000.000
2. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		373.776.700.814	404.488.183.339
1. Phải thu của khách hàng	131		127.809.245.682	153.654.902.553
2. Trả trước cho người bán	132		48.041.699.842	48.255.409.600
3. Phải thu nội bộ	133		145.481.543.096	147.502.853.859
4. Các khoản phải thu khác	135	V.3	52.444.212.194	55.075.017.327
IV. Hàng tồn kho	140		579.926.201.116	675.584.107.307
1. Hàng tồn kho	141	V.4	579.926.201.116	675.584.107.307
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		705.077.364	3.192.262.195
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		283.765.750	156.266.874
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	2.124.053.384
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		421.311.614	911.941.937
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		598.848.036.289	635.353.248.170
I. Tài sản cố định	220		74.254.332.990	73.669.552.175
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	7.121.016.081	7.769.730.471
- Nguyên giá	222		20.286.469.564	20.286.469.564
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.165.453.483)	(12.516.739.093)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	103.241.670	95.955.556
- Nguyên giá	228		152.450.000	127.450.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(49.208.330)	(31.494.444)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7	67.030.075.239	65.803.866.148
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		524.498.129.016	561.317.247.072
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.8	557.317.247.072	551.317.247.072
2. Đầu tư dài hạn khác	258		-	10.000.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư TC dài hạn	259	V.9	(32.819.118.056)	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		95.574.283	366.448.923
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		95.574.283	366.448.923
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.574.042.747.591	1.751.118.482.716

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

MẪU B 01 - DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.030.227.600.274	1.156.922.955.583
I. Nợ ngắn hạn	310		989.891.069.592	1.111.164.093.690
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	727.939.576.199	866.782.526.803
2. Phải trả cho người bán	312		5.965.813.172	16.819.361.233
3. Người mua trả tiền trước	313		402.713.599	6.559.556.599
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	4.769.552.641	4.737.685.563
5. Phải trả người lao động	315		264.946.895	242.168.249
6. Chi phí phải trả	316	V.12	27.748.803.922	1.049.414.000
7. Phải trả nội bộ	317		219.145.732.712	208.063.762.721
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		484.015.977	5.449.654.218
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		3.169.914.475	1.459.964.304
II. Nợ dài hạn	330		40.336.530.682	45.758.861.893
1. Phải trả dài hạn người bán	331		9.511.382.282	21.192.624.493
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.13	30.825.148.400	24.566.237.400
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		543.815.147.317	594.195.527.133
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	543.815.147.317	594.195.527.133
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		550.000.000.000	550.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(18.089.044.322)	1.225.388.174
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.639.550.171	929.600.000
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.639.550.171	929.600.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.625.091.297	41.110.938.959
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.574.042.747.591	1.751.118.482.716

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	30/06/2011	01/01/2010
I. Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ (USD)		4.316,38	7.662,65
Euro (EURO)		100,00	-
Nhân dân tệ (CNY)		500,00	500,00
Kíp Lào		100.000,00	100.000,00



Nguyễn Văn An
Tổng Giám đốc

Ngày 01 tháng 09 năm 2011

Hà Thị Kim Thoa
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	MẪU B 02 - DN	
			Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Đơn vị: VND Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	715.678.987.745	930.166.328.603
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	10		715.678.987.745	930.166.328.603
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	644.385.857.402	897.070.512.539
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		71.293.130.343	33.095.816.064
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.772.373.932	26.782.957.120
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	98.314.903.190	34.124.734.111
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		53.442.476.055	30.514.988.254
8. Chi phí bán hàng	24		1.069.769.438	4.173.338.518
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.409.584.978	4.912.566.944
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		(29.728.753.331)	16.668.133.611
11. Thu nhập khác	31		372.756.182	33.500.043.290
12. Chi phí khác	32		-	23.737.514.292
13. Lợi nhuận từ hoạt động khác	40		372.756.182	9.762.528.998
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (60=30+40)	50		(29.355.997.149)	26.430.662.609
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	1.829.793.270
16. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		(29.355.997.149)	24.600.869.339
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.5	(534)	703



Nguyễn Văn An
Tổng Giám đốc

Ngày 01 tháng 09 năm 2011

Hà Thị Kim Thoa
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011

MẪU B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2011	Từ 01/01/2010
		đến 30/6/2011	đến 30/6/2010
I. Lưu chuyển từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	601.261.076.281	1.152.315.545.865
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(458.264.655.219)	(1.286.348.493.744)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.440.319.767)	(1.826.953.583)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(24.821.519.808)	(32.258.325.533)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập Doanh nghiệp	05	-	(9.869.419.426)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	95.655.647.445	113.614.096.216
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(67.067.451.365)	(90.298.801.791)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	145.322.777.567	(154.672.351.996)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, tài sản dài hạn khác	21	(676.735.488)	(786.053.434)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	20.000.000.000	10.000.000.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(220.450.039.890)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	300.346.064	10.889.516.540
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	19.623.610.576	(200.346.576.784)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	516.767.492.770	1.129.674.529.938
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(683.427.343.319)	(780.179.788.998)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(166.659.850.549)	349.494.740.940
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(1.713.462.406)	(5.524.187.840)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3.500.681.705	22.925.116.244
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(487.291)	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.786.732.008	17.400.928.404



Nguyễn Văn An
Tổng Giám đốc

Ngày 01 tháng 09 năm 2011

Hà Thị Kim Thoa
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thái Hòa Việt Nam (“Công ty”) được chuyển đổi từ Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Thái Hòa theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103024767 ngày 19 tháng 5 năm 2008, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 30 tháng 8 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tổng vốn điều lệ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 550.000.000.000 VND.

Trụ sở Công ty đặt tại: Số 352, đường Giải Phóng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2011 là 41 nhân viên (tại 31/12/2010: 42 nhân viên).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Chế biến nông sản; Buôn bán hàng lương thực, thực phẩm;
- Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất;
- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình; Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng; Kinh doanh nhà ở;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Vận tải hàng hóa bằng ô tô;
- Đầu tư, kinh doanh khu công nghiệp, trung tâm thương mại; Kinh doanh, cho thuê kho hàng, nhà xưởng; Sản xuất và mua bán thiết bị viễn thông, thiết bị điện, điện tử, thiết bị văn phòng;
- Trồng cây cà phê, cây lâu năm, trồng rừng;
- Đào tạo, dạy nghề: trồng trọt, lâm sinh, chế biến nông, lâm, thủy hải sản, cơ khí nông nghiệp, lái xe, quản lý trang trại, ngoại ngữ, tin học văn phòng, sửa chữa ô tô, xe máy, may thêu;
- Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Du lịch lữ hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ du lịch khác;
- Tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính);
- Tư vấn lập dự án đến nhóm B; Tư vấn lắp đặt thiết bị cho các công trình xây dựng, tư vấn về đấu thầu;
- Kiểm định chất lượng công trình xây dựng, giao thông; Thẩm định dự án đầu tư;
- Thăm tra thiết kế kỹ thuật; thăm tra thiết kế thi công và tổng dự toán đối với các công trình dân dụng và công nghiệp; Xác định, đánh giá nguyên nhân sự cố công trình và các yếu tố khác liên quan để lập phương án gia cố sửa chữa;
- Nhận thầu thi công, xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình bưu điện, thông tin liên lạc, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp và khu dân cư, thi công san lấp mặt bằng, xử lý nền, móng công trình; Quản lý dự án;
- Dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị, máy xây dựng công trình;
- Chế biến lâm sản, mộc, gỗ; Trồng cây cao su; Lập dự án đầu tư trong nông nghiệp, trồng trọt, chế biến nông, lâm sản;
- Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng phương tiện ô tô;
- Thiết kế hệ thống điện công trình, công nghiệp, thiết kế đường dây và trạm biến áp đến 35KV; Thiết kế cấp thoát nước; Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp;
- Sản xuất chế biến thức ăn gia súc, gia cầm; Chăn nuôi gia súc, gia cầm, đại gia súc;
- Sản xuất phân bón các loại, phân vi sinh, NPK, chế phẩm từ chất thải nông, công nghiệp;
- Kinh doanh nước sạch và dịch vụ xử lý môi trường ;Bán buôn rượu bia (không bao gồm kinh doanh quán bar);Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Công ty lập Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 để công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT - BTC ngày 31/12/2009 về hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty áp dụng sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.

HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao để dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	2011
	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 20
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	5-10
Tài sản cố định khác	3-8

Tài sản cố định vô hình và khấu hao**Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 5 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN (Tiếp theo)****Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản tiền và tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn và phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán theo Thông tư số 201/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Theo đó, đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ là tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính thì không hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập mà để số dư trên Báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư. Hướng dẫn tại Thông tư nói trên của Bộ Tài chính có sự khác biệt căn bản với những quy định hiện hành của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10: “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN (Tiếp theo)****Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cho năm 2010 là 25%.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Tiền mặt	345.406.022	975.336.822
Tiền gửi ngân hàng	1.441.325.986	2.525.344.883
Cộng	1.786.732.008	3.500.681.705

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	19.000.000.000	29.000.000.000
Cộng	19.000.000.000	29.000.000.000

(*) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhằm đảm bảo các khoản vay ngân hàng

3. Các khoản phải thu khác

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Phải thu Công ty Cổ phần Xây dựng Thái Hòa	51.855.919.420	51.855.919.420
Các khoản phải thu khác	588.292.774	3.219.097.907
Cộng	52.444.212.194	55.075.017.327

4. Hàng tồn kho

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.650.749.861	24.961.818.770
Công cụ, dụng cụ	25.480.000	257.504.659
Thành phẩm	9.163.139.817	7.278.850.299
Hàng hóa	550.424.841.438	628.423.943.579
Hàng gửi đi bán	14.661.990.000	14.661.990.000
Cộng	579.926.201.116	675.584.107.307

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÁI HÒA VIỆT NAMSố 352 đường Giải Phóng,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
đến ngày 30 tháng 06 năm 2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****5. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vật tải VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2011	5.935.161.804	9.335.593.674	3.999.085.395	1.016.628.691	20.286.469.564
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2011	5.935.161.804	9.335.593.674	3.999.085.395	1.016.628.691	20.286.469.564
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ					
Tại ngày 01/01/2011	1.754.405.095	7.316.708.154	2.915.452.776	530.173.068	12.516.739.093
Khấu hao trong kỳ	198.402.173	229.999.340	113.821.590	106.491.287	648.714.390
Tại ngày 30/06/2011	1.952.807.268	7.546.707.494	3.029.274.366	636.664.355	13.165.453.483
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2011	4.180.756.709	2.018.885.520	1.083.632.619	486.455.623	7.769.730.471
Tại ngày 30/06/2011	3.982.354.536	1.788.886.180	969.811.029	379.964.336	7.121.016.081

6. Tài sản cố định vô hình

	Biểu tượng công ty VND	Phần mềm kế toán VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2011	60.000.000	67.450.000	127.450.000
Mua trong kỳ	-	25.000.000	25.000.000
Tại ngày 30/06/2011	60.000.000	92.450.000	152.450.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ			
Tại ngày 01/01/2011	24.000.000	7.494.444	31.494.444
Khấu hao trong kỳ	3.000.000	14.713.886	17.713.886
Tại ngày 30/06/2011	27.000.000	22.208.330	49.208.330
GIA TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2011	36.000.000	59.955.556	95.955.556
Tại ngày 30/06/2011	33.000.000	70.241.670	103.241.670

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Văn phòng Giáp Bát	226.291.668	226.291.668
Dự án Nhà máy Buôn Mê Thuật giai đoạn 2	40.451.271.494	39.331.537.412
Dự án tại Sơn La	9.440.094.765	9.440.094.765
Dự án trồng cà phê tại Sepond Lào	450.283.026	450.283.026
Dự án trồng cao su tại Lào	16.355.659.277	16.355.659.277
Dự án tại Hòa Bình	6.600.000	-
Nhà máy chế biến Lâm Đồng	99.875.009	-
Cộng	67.030.075.239	65.803.866.148

8. Đầu tư vào Công ty con

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Công ty Cổ phần Cà phê An Giang	78.352.500.000	78.352.500.000
Công ty Cổ phần Thương mại cà phê Thái Hòa	8.502.732.385	8.502.732.385
Công ty Cổ phần Thái Hòa Lâm Đồng	204.000.000.000	204.000.000.000
Công ty Cổ phần Thái Hòa Quảng Trị	91.040.459.130	91.040.459.130
Công ty Cổ phần Cà phê Thái Hòa Sơn La	9.677.667.264	9.677.667.264
Công ty Cổ phần Cà phê Thái Hòa Mường Ảng	16.040.942.093	16.040.942.093
Công ty TNHH MTV Thái Hòa Nghệ An	5.167.462.515	5.167.462.515
Công ty Cổ phần Cà phê Thái Hòa Hòa Bình	7.799.737.256	7.799.737.256
Công ty TNHH cà phê Thái Hòa Lào	125.094.647.429	125.094.647.429
Công ty TNHH MTV Thái Ninh	5.641.099.000	5.641.099.000
Công ty TNHH MTV Cao su Thái Hòa Lào	6.000.000.000	-
Cộng	557.317.247.072	551.317.247.072

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÁI HÒA VIỆT NAMSố 352 đường Giải Phóng,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
đến ngày 30 tháng 06 năm 2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***MẤU B 09 - DN****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****8. Đầu tư vào Công ty con (Tiếp theo)**

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Hoạt động kinh doanh chính
CTCP Cà phê An Giang	Khu Công nghiệp Tam Phước, đường 4, xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	52,4%	52,4%	Sản xuất mua bán, xuất nhập khẩu cà phê, mua bán chế biến nông sản, hàng lương thực thực phẩm
CTCP Thương mại Cà phê Thái Hòa	Tầng 12, tòa nhà Gilimex, số 24C Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	65,0%	68,0%	Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu, bán buôn lương thực, thực phẩm; sản xuất chế biến hàng nông lâm sản
CTCP Cà phê Thái Hòa Lâm Đồng	Thị trấn Đình Vãn, huyện Lâm Hà, Lâm Đồng, Việt Nam	51,0%	100,0%	Kinh doanh, nhận ký gửi, sản xuất cà phê; sản xuất, kinh doanh phân bón vi sinh và hợp chất nito
CTCP Thái Hòa Quảng Trị	Cụm Công nghiệp, thị trấn Lao Bảo, huyện Hương Hóa, tỉnh Quảng Trị, Việt Nam	51,0%	100,0%	Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu, bán buôn lương thực, thực phẩm; sản xuất chế biến hàng nông lâm sản
CTCP Cà phê Thái Hòa Sơn La	Xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La	51,0%	99,5%	Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu, bán buôn lương thực, thực phẩm; sản xuất chế biến hàng nông lâm sản
CTCP Cà phê Thái Hòa Mường Áng	Khóm 7, thị trấn Mường Áng, tỉnh Điện Biên	87,5%	71,7%	Buôn bán hàng lương thực, thực phẩm; Lập dự án trồng trọt, chế biến nông, lâm, sản
Công ty TNHH MTV Thái Hòa Nghệ An	Xã Tây Hiếu, thị xã Thái Hòa, Nghệ An, Việt Nam	100,0%	100,0%	Chế biến hàng nông sản, mua bán hàng lương thực, thực phẩm
CTCP Cà phê Thái Hòa Hòa Bình	Xóm Xê 3, Xã Ngọc Lâu, Huyện Lạc Sơn, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam	56,7%	100,0%	Chế biến, bảo quản cà phê; Bán buôn, bán lẻ nông lâm sản nguyên liệu và động vật
Công ty TNHH cà phê Thái Hòa Lào	Bản Vật Luông, huyện Paksong, tỉnh Champasak, Lào	100,0%	100,0%	Nông, lâm, ngư nghiệp; kinh doanh về trồng chế biến cà phê để xuất khẩu
Công ty TNHH MTV Thái Ninh	Khóm 3B thị trấn Khe xanh, huyện Hướng Hóa, Quảng Trị	100,0%	100,0%	Chế biến hàng nông sản, mua bán hàng lương thực, thực phẩm
Công ty TNHH MTV Cao su Thái Hòa Lào	Bản ĐôngNaSan, huyện Noong, tỉnh SaVanNaKhet	100,0%	100,0%	Trồng cây đứng các loại, kinh doanh xây dựng vườn cây và cây cao su

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

9. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn là dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cà phê An Giang

10. Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	727.779.576.199	796.251.036.683
Ngân hàng TMCP Hàng Hải (i)	99.583.923.893	97.083.296.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế (ii)	28.017.373.706	30.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (iii)	192.056.670.000	190.395.012.283
Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (iv)	140.414.970.600	168.918.328.400
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam (v)	157.906.638.000	241.168.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (vi)	109.800.000.000	68.686.400.000
Vay ngắn hạn cá nhân	160.000.000	70.531.490.120
Cộng	727.939.576.199	866.782.526.803

(i) Các khoản vay của Ngân hàng TMCP Hàng Hải là các khoản vay bằng đồng Việt Nam và đô la Mỹ với thời hạn vay 6 tháng, lãi suất đối với khoản vay bằng đồng Việt Nam từ 22,5% đến 23,5%, lãi suất đối với các khoản vay bằng đô la Mỹ từ 6,5% đến 9%, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, lãi vay trả hàng tháng, lãi suất vay được điều chỉnh 1 lần/tháng. Trong đó, tổng dư nợ ngoại tệ là 3.281.896 USD. Tài sản đảm bảo là sổ tiết kiệm, bất động sản tại D21 Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội, toàn bộ tài sản thuộc dự án trồng cafe và cao su tại Lào và hàng tồn kho luân chuyển.

(ii) Các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quốc tế là các khoản vay bằng đồng Việt Nam với thời hạn vay 4 tháng, áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 1 tháng/lần hoặc 3 tháng/lần, bằng lãi suất chuyển vốn kinh doanh VND kỳ hạn 1 tháng của VIB + 5,5% hoặc 3,2%, lãi vay trả hàng tháng. Tài sản đảm bảo là sổ tiết kiệm mở tại VIB, bất động sản tại D21 Phương Mai, quận Đống Đa, Hà Nội, ô tô và hàng hóa tồn kho luân chuyển.

(iii) Các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam là các khoản vay bằng đô la Mỹ với thời hạn vay từ 3 tháng đến 4 tháng, lãi suất từ 5,5% đến 6%, lãi quá hạn bằng 120% lãi trong hạn, lãi vay trả hàng tháng. Tổng dư nợ ngoại tệ là 9.315.000 USD. Tài sản đảm bảo là sổ tiết kiệm, toàn bộ tài sản trên đất của CTCP Cà Phê An Giang (công ty con) tại Khu công nghiệp Tam Phước, tỉnh Đồng Nai và toàn bộ cổ phần nắm giữ của CTCP Tập đoàn Thái Hòa tại CTCP Cà phê An Giang.

(iv) Các khoản vay của Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội là các khoản vay bằng đồng Việt Nam và đô la Mỹ với thời hạn vay 5 tháng, lãi suất đối với khoản vay bằng đồng Việt Nam từ 20% đến 22,5%, lãi suất đối với các khoản vay bằng đô la Mỹ từ 7,2% đến 8,2%, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, lãi vay trả hàng tháng. Trong đó, tổng dư nợ ngoại tệ là 6.441.700 USD. Tài sản đảm bảo là sổ tiết kiệm, ô tô, máy móc, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Thái Hòa Nghệ An và Công ty TNHH Thái Hòa Hòa Bình.

(v) Các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn là các khoản vay bằng đồng Việt Nam với thời hạn vay từ 5 tháng đến 6 tháng, lãi suất từ 14,5% đến 19%, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, lãi vay trả hàng tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

10. Vay và nợ ngắn hạn (Tiếp theo)

(vi) Các khoản vay của Ngân hàng Phát triển Việt Nam là các khoản vay bằng đồng Việt Nam với thời hạn vay từ 4 tháng đến 6 tháng, lãi suất tín dụng xuất khẩu từ 9,6%/năm đến 11,4%/năm áp dụng không quá 50% vốn vay đảm bảo có đủ bộ chứng từ hoàn tạm ứng và bộ chứng từ xuất hàng phù hợp, lãi suất cho vay thỏa thuận từ 14,4%/năm đến 15%/năm được áp dụng đối với phần vốn vay không sử dụng đúng mục đích và phần vốn vay còn lại. Tài sản đảm bảo bằng hình thức thế chấp tài sản hình thành từ nguồn vay và hình thức cầm cố tài sản của bên thứ ba theo hợp đồng cầm cố tài sản của bên thứ 3 số 31/2010/HĐCC-NHPTVN.SGDI ngày 28/12/2010 giữa Ngân hàng và Ông Nguyễn Văn An, và hình thức thế chấp tài sản của bên thứ 3 theo hợp đồng thế chấp tài sản số 15/2011/HĐTCTS-NHPT.SGDI ngày 27/6/2011 giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Văn An và bà Ngô Thị Hạnh.

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.737.685.563	4.737.685.563
Thuế giá trị gia tăng	31.867.078	-
Cộng	4.769.552.641	4.737.685.563

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12. Chi phí phải trả

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Chi phí lãi vay phải trả	27.748.803.922	1.049.414.000
Cộng	27.748.803.922	1.049.414.000

13. Vay và nợ dài hạn

	30/06/2011 VND	01/01/2011 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	30.825.148.400	24.566.237.400
Cộng	30.825.148.400	24.566.237.400

Số HĐ vay	Đồng tiền vay	Thời hạn vay	Lãi suất (năm)	Số dư nợ gốc	Tài sản đảm bảo
01/2006	VND	5 năm	19,2%	1.800.000.000	Tài sản hình thành từ tiền vay
02/2009	VND	5 năm	19,2%	6.619.567.800	Tài sản của Công ty tại trung tâm giao dịch cà phê Buôn Mê Thuột, tiền gửi ký quỹ 10 tỷ và tài sản hình thành từ tiền vay
01/2009	USD	5 năm	7,8%	1.086.700	Tài sản của Công ty tại trung tâm giao dịch cà phê Buôn Mê Thuột, tiền gửi ký quỹ 10 tỷ và tài sản hình thành từ tiền vay

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÁI HÒA VIỆT NAMSố 352 đường Giải Phóng,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
đến ngày 30 tháng 06 năm 2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***MẪU B 09 - DN****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)****14. Vốn chủ sở hữu****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND		VND	VND
Tại ngày 1/1/2010	350.000.000.000	6.853.359.567	929.600.000	929.600.000	6.795.816.317	365.508.375.884
Tăng do góp vốn	200.000.000.000	-	-	-	-	200.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	34.199.003.417	34.199.003.417
Hoàn nhập CLTG	-	(6.853.359.567)	-	-	-	(6.853.359.567)
Chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	1.225.388.174	-	-	-	1.225.388.174
Tặng khác	-	-	-	-	147.656.776	147.656.776
Giảm khác	-	-	-	-	(31.537.551)	(31.537.551)
Tại ngày 31/12/2010	550.000.000.000	1.225.388.174	929.600.000	929.600.000	41.110.938.959	594.195.527.133
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	(29.355.997.149)	(29.355.997.149)
Hoàn nhập CLTG	-	(1.225.388.174)	-	-	-	(1.225.388.174)
Chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	-	(18.089.044.322)	-	-	-	(18.089.044.322)
Trích lập quỹ thuộc VCSH	-	-	1.709.950.171	1.709.950.171	(3.419.900.342)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.709.950.171)	(1.709.950.171)
Tại ngày 30/06/2011	550.000.000.000	(18.089.044.322)	2.639.550.171	2.639.550.171	6.625.091.297	543.815.147.317

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

14. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Tình hình góp vốn điều lệ của các cổ đông

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100367361, thay đổi lần 5 ngày 30/8/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty là 550.000.000.000 đồng. Tại ngày 30/06/2011, vốn điều lệ đã được các thành viên góp đủ như sau:

	Theo GCN ĐKKD		Vốn đã góp	
			01/01/2011	30/06/2011
	VND	%	VND	VND
Ông Nguyễn Văn An	227.500.000.000	41,36%	227.500.000.000	227.500.000.000
Bà Ngô Thị Hạnh	122.150.000.000	22,21%	122.150.000.000	122.150.000.000
Các cổ đông khác	200.350.000.000	36,43%	200.350.000.000	200.350.000.000
Cộng	550.000.000.000	100%	550.000.000.000	550.000.000.000

Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 275-2011/THV/BB- ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 5 năm 2011, Công ty thực hiện trả cổ tức năm 2010 bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 5% mệnh giá (trương đương 27.500.000.000 đồng). Tại thời điểm soát xét, công ty chưa thực hiện việc chia cổ tức nêu trên.

Cổ phiếu

	30/06/2011	01/01/2011
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	55.000.000	55.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành ra công chúng	55.000.000	55.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông hiện đang lưu hành	55.000.000	55.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÁI HÒA VIỆT NAMSố 352 đường Giải Phóng,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
đến ngày 30 tháng 06 năm 2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010 VND
Doanh thu bán hàng hóa	715.678.987.745	930.166.328.603
Cộng	<u>715.678.987.745</u>	<u>930.166.328.603</u>

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010 VND
Giá vốn hàng bán	644.385.857.402	897.070.512.539
Cộng	<u>644.385.857.402</u>	<u>897.070.512.539</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010 VND
Lãi tiền gửi	550.450.825	4.541.147.814
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	19.111.489.531
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.221.923.107	3.130.319.775
Cộng	<u>1.772.373.932</u>	<u>26.782.957.120</u>

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010 VND
Chi phí lãi vay	53.442.476.055	30.514.988.254
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	32.819.118.056	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.002.485.479	3.609.745.857
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	1.050.823.600	-
Cộng	<u>98.314.903.190</u>	<u>34.124.734.111</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ:

	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(29.355.997.149)	24.600.869.339
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	55.000.000	35.000.000
Lãi/(Lỗ) cơ bản trên mỗi cổ phiếu	(534)	703

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan:

	Quan hệ với Công ty	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VND
Doanh thu			
Công ty CP Cà phê Thái Hòa Hòa Bình	Công ty con	188.568.000	-
Công ty CP Cà phê Thái Hòa Quảng Trị	Công ty con	96.474.051.002	97.533.404.353
Công ty CP CP Thái Hòa Lâm đồng	Công ty con	254.697.360.000	171.096.321.500
Công ty CP Cà phê An Giang	Công ty con	67.200.260.000	286.406.553.270
Công ty TNHH MTV Thái Hòa Nghệ An	Công ty con	30.946.699.000	-
Công ty CP Thái Hòa Sơn La	Công ty con	20.052.900.000	16.363.600
Công ty CP Cà phê Thái Hòa Mường Ảng	Công ty con	1.540.980.000	7.823.689.279
Công ty TNHH MTV Thái Ninh	Công ty con	8.636.350	9.090.940
Công ty CP Thái Hòa Buôn Ma thuật	Công ty con	113.854.355.400	4.025.360.000
CN CTCP Cà phê Thái Hòa Mường Ảng	Công ty con	548.100.000	-
Công ty CP TM Cà phê Thái Hòa	Công ty con	-	38.988.724.800
Mua hàng			
Công ty CP Cà phê Thái Hòa Quảng Trị	Công ty con	128.210.300.000	59.368.603.286
Công ty CP Cà phê Thái Hòa Lâm Đồng	Công ty con	281.299.925.600	517.058.320.220
Công ty CP Cà phê An Giang	Công ty con	28.182.000.000	441.251.838.485
Công ty TNHH MTV Thái Hòa Nghệ An	Công ty con	32.271.600.000	22.327.272.000
Công ty CP Cà phê Thái Hòa Sơn La	Công ty con	32.663.400.000	37.400.372.760
Công ty CP Cà phê Thái Hòa Mường Ảng	Công ty con	23.524.567.479	15.961.240.977
Công ty CP Thái Hòa Buôn Ma thuật	Công ty con	106.381.170.000	68.971.265.380
Công ty CP TM Cà phê Thái Hòa	Công ty con	-	54.621.973.750

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan:

	Quan hệ với Công ty	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Các khoản phải thu			
Công ty CP Cà phê Thái Hòa Hòa Bình	Công ty con	9.682.436.361	7.899.662.557
Công ty TNHH cà phê Thái Hòa Lào	Công ty con	-	23.787.152.840
Công ty CP Cà phê Thái Hòa Lâm đồng	Công ty con	25.113.697.497	22.996.364.630
Công ty TNHH MTV Thái Hòa Nghệ An	Công ty con	19.204.967.230	8.674.627.802
Công ty TNHH MTV Cao su Thái Hòa Lào	Công ty con	53.048.047.681	58.528.047.681
Công ty TNHH MTV Thái Ninh	Công ty con	504.330.955	485.530.955
Công ty CP Thái Hòa Buôn Ma thuật	Công ty con	12.177.797.388	2.553.584.839
CN CTCP Cà phê Thái Hòa Mường Ảng	Công ty con	575.505.000	-
Công ty CP Cà phê Thái Hòa Quảng Trị	Công ty con	-	21.346.090.226

	Quan hệ với Công ty	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Các khoản phải trả			
Công ty CP Cà phê Thái Hòa Quảng Trị	Công ty con	13.817.051.037	-
Công ty CP Cà phê An Giang	Công ty con	167.022.963.055	167.999.616.055
Công ty CP TM Cà phê Thái Hòa	Công ty con	3.583.975.581	3.823.095.180
Công ty CP Cà phê Thái Hòa Sơn La	Công ty con	27.673.420.564	26.924.460.864
Cty CP Cà phê Thái Hòa Mường Ảng	Công ty con	7.048.322.475	9.316.590.622

2. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Thương mại Cà phê Thái Hòa số 349-2011/TMTH-BB ngày 11/7/2011, các cổ đông đã ra quyết định chấm dứt hoạt động và giải thể Công ty Cổ phần Thương mại Cà phê Thái Hòa (công ty con). Tại thời điểm soát xét, Công ty Cổ phần Thương mại Cà Phê Thái Hòa đang thực hiện các thủ tục pháp lý có liên quan đến quá trình giải thể doanh nghiệp.

Ngoài sự kiện kể trên, không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

3. Công nợ tiềm tàng

Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty đã tuân thủ theo các quy định hiện hành về thuế và hầu hết các khoản chi phí được ghi nhận đều là các chi phí hợp lý hợp lệ cho mục đích tính thuế Thu nhập doanh nghiệp. Do vậy, dự phòng thuế Thu nhập doanh nghiệp cho các khoản chi phí không hợp lý hợp lệ cho mục đích tính thuế Thu nhập doanh nghiệp và các khoản nghĩa vụ phát sinh về các loại thuế khác được xác định là không trọng yếu. Tuy nhiên, dựa trên kết quả kiểm tra của cơ quan thuế, việc phát sinh thêm các khoản thuế Thu nhập doanh nghiệp và các khoản thuế phải nộp khác cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011 là vẫn có thể xảy ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

4. Số liệu so sánh

Số liệu đầu kỳ là số đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn kế toán và Kiểm toán Việt Nam. Do đây là năm đầu tiên Báo cáo tài chính bán niên của Công ty được soát xét, do đó, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến 30 tháng 06 năm 2010 là số liệu chưa được soát xét.



Ngày 01 tháng 09 năm 2011

Hà Thị Kim Thoa
Kế toán trưởng
